

Số: 728 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2045

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 1 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng, Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Ninh đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 303/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh tại Tờ trình số 129/UBND-TTr ngày 18 tháng 4 năm 2023, Báo cáo số 46/BC-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2023; Báo cáo thẩm định của Bộ Xây dựng số 172/BC-BXD ngày 21 tháng 12 năm 2022 và số 108/BC-BXD ngày 24 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2045 với những nội dung chính thể hiện trong đồ án quy hoạch như sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn quy hoạch

a) Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch: 05 đơn vị hành chính, gồm: thành phố Bắc Ninh, thành phố Từ Sơn, thị xã Quế Võ, huyện Tiên Du và huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

b) Quy mô: Diện tích quy hoạch khoảng 49.137 ha.

c) Thời hạn quy hoạch: ngắn hạn đến năm 2030, dài hạn đến năm 2045.

2. Mục tiêu lập quy hoạch

- Xây dựng và phát triển đô thị Bắc Ninh đáp ứng các tiêu chí đô thị loại I, làm tiền đề để xây dựng tỉnh Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc trung ương vào năm 2030.

- Xây dựng và phát triển đô thị Bắc Ninh trở thành thành phố văn hóa, sinh thái, đô thị thông minh, hướng tới kinh tế tri thức.

- Tăng cường quản lý, thu hút đầu tư; đào tạo nguồn nhân lực; xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại, phát triển bền vững, phòng tránh thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Làm căn cứ pháp lý để quản lý quy hoạch; lập chương trình phát triển đô thị, đề án nâng loại cho các đô thị trực thuộc; xây dựng chính sách phát triển và triển khai tiếp công tác đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

3. Tính chất đô thị

- Trung tâm chính trị - hành chính, kinh tế, văn hóa, khoa học công nghệ, y tế, giáo dục - đào tạo của tỉnh Bắc Ninh, vùng nội thị đáp ứng các tiêu chí đô thị loại I của tỉnh Bắc Ninh.

- Là trọng tâm kinh tế thuộc vùng Thủ đô, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, trung tâm phát triển: công nghiệp công nghệ cao, thương mại, du lịch và kinh tế tri thức, phát triển kinh tế đô thị trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Đầu mối giao thông, giao lưu quan trọng của vùng Thủ đô Hà Nội, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước; gắn kết với các hành lang kinh tế: Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

- Có vị trí quan trọng về quốc phòng - an ninh.

4. Các chỉ tiêu phát triển đô thị

a) Quy mô dân số:

- Đến năm 2030 khoảng 1,80 triệu người.

- Đến năm 2045 khoảng 2,80 triệu người.

b) Quy mô đất đai:

- Đến năm 2030: Đất xây dựng đô thị khoảng 26.170 ha, trong đó, đất dân dụng khoảng 15.510 ha, đất ngoài dân dụng khoảng 10.660 ha.

- Đến năm 2045: Đất xây dựng đô thị khoảng 40.381 ha, trong đó, đất dân dụng khoảng 23.412 ha, đất ngoài dân dụng khoảng 16.969 ha.

5. Mô hình cấu trúc phát triển

Đô thị Bắc Ninh phát triển theo mô hình chùm đô thị, đa trung tâm, gắn với vùng Thủ đô Hà Nội, gồm 07 trọng tâm phát triển đô thị gắn với mô hình lấy định hướng phát triển hệ thống giao thông công cộng làm cơ sở quy hoạch phát triển đô thị, lấy đầu mối giao thông làm điểm tập trung dân cư để từ đó hình thành tiếp hệ thống giao thông phân tán (TOD), được giới hạn bởi các “nêm xanh” (là các tuyến sông kênh, mặt nước sinh thái, công viên, làng xóm, bảo tồn di tích văn hóa lịch sử, cảnh quan sinh thái đặc trưng) và 03 hành lang phát triển gồm:

- Hành lang đô thị dịch vụ dọc quốc lộ 1A (Từ Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh). Dọc hành lang sẽ phát triển tập trung theo 3 khu vực đô thị hiện hữu là Bắc Ninh, Tiên Du, Từ Sơn, được giới hạn phát triển bởi các nêm xanh.

- Hành lang đô thị công nghiệp dọc quốc lộ 18 (Yên Phong - Bắc Ninh - Quế Võ). Phát triển các khu vực đô thị gắn với các khu công nghiệp tập trung, hoàn thiện hạ tầng dịch vụ tạo điều kiện cho phát triển hoạt động sản xuất tại các khu công nghiệp.

- Hành lang sinh thái dọc sông Đuống, sông Cầu: Bảo vệ và phát triển hành lang sinh thái dọc tuyến sông. Bố trí các công trình dịch vụ công cộng, dịch vụ sinh thái, vui chơi giải trí, thể dục thể thao và hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị khác với mật độ thấp, ưu tiên phát triển cây xanh, cảnh quan, mặt nước dọc hành lang các tuyến sông; quy hoạch các khu vực phát triển nông nghiệp công nghệ cao tại khu vực Yên Phong, Quế Võ, Tiên Du.

Quy hoạch định hướng kết nối đô thị lõi với hành lang phát triển đô thị, công nghiệp và nông nghiệp sinh thái công nghệ cao dọc quốc lộ 17, nối từ Quế Võ - Gia Bình - Thuận Thành; hành lang phát triển đô thị dịch vụ dọc Quốc lộ 38 và đường vành đai 4; hành lang du lịch văn hóa tâm linh kết nối Từ Sơn, Tiên Du với Thuận Thành dọc tuyến đường tỉnh 276.

6. Định hướng phát triển không gian

a) Định hướng không gian tổng thể:

Không gian đô thị Bắc Ninh làm rõ vai trò, tính liên kết của khu vực đô thị nội thành với khu vực ngoại thành theo định hướng phát triển tỉnh trở thành thành phố trực thuộc trung ương, bao gồm: Khu vực đô thị nội thành phía Bắc sông Đuống; khu vực ngoại thành phía Nam sông Đuống, gồm đô thị vệ tinh thị xã Thuận Thành và hai vùng dân cư nông thôn là Gia Bình và Lương Tài.

Không gian đô thị Bắc Ninh được phát triển theo mô hình chùm đô thị, đa trung tâm, các khu vực đô thị hóa được phát triển theo mô hình đô thị - công nghiệp - dịch vụ, kết hợp phát triển mở rộng đô thị và cải tạo chỉnh trang các khu vực đô thị, làng xóm hiện trạng; phát triển các trung tâm cấp vùng về đổi mới sáng tạo, dịch vụ thương mại, công nghiệp công nghệ cao tại thành phố Bắc Ninh, khu vực phía Đông Yên Phong, khu vực Nam Sơn, gắn với phát triển các tuyến đường vành đai 4, đường hướng tâm của vùng Thủ đô Hà Nội; chia sẻ, hỗ trợ chức năng về kinh tế, văn hóa với Thủ đô Hà Nội và kết nối phát triển với các địa phương trong vùng đồng bằng sông Hồng.

Phát triển mở rộng đô thị đáp ứng các tiêu chí đô thị loại I, xây dựng các đơn vị hành chính cấp huyện phía Bắc sông Đuống theo mô hình quận, với các

trung tâm dịch vụ công cộng lớn, đa năng, hấp dẫn gắn với các điểm nút giao thông khác mức đa phương tiện theo mô hình TOD; phát triển đô thị hài hòa giữa phát triển mới và hiện trạng cải tạo; áp dụng các giải pháp thiết kế xanh, thông minh để phát triển không gian, hạ tầng đô thị; chú trọng cải tạo chỉnh trang đô thị hiện trạng, bảo vệ các không gian làng xóm truyền thống, bảo tồn các không gian công cộng, không gian văn hóa truyền thống, di tích văn hóa lịch sử, cảnh quan sinh thái tự nhiên; hình thành các vùng đệm xanh, dịch vụ bao quanh để bảo vệ và hạn chế đô thị hóa tự phát làm phá vỡ các không gian truyền thống.

Phát triển công trình cao tầng tập trung theo khu vực, hạn chế công trình phân tán trong các khu vực đô thị hiện trạng; khu vực phát triển mới được phát triển đồng bộ, tập trung, khuyến khích phát triển thành các tổ hợp đô thị cao tầng, giao thông thông minh (giao thông ngầm, giao thông trên cao...), bãi đỗ xe, phát triển các trung tâm dịch vụ làm trọng tâm phát triển các khu vực đô thị mới; dành quỹ đất dự trữ tại các khu vực trọng tâm để phát triển các công trình dịch vụ công cộng cấp vùng.

Hành lang sinh thái dọc sông Đuống, sông Cầu, sông Ngũ Huyện Khê, sông Tào Khê, ngòi Con Tên được tạo lập từ cảnh quan sinh thái tự nhiên gắn với bảo tồn các không gian văn hóa, lịch sử, làng xóm hiện có... cung cấp các dịch vụ sinh thái, du lịch, thể thao, nghỉ dưỡng cho các khu vực phát triển đô thị. Các nêm xanh, vành đai xanh, hành lang xanh được hình thành trên cơ sở các yếu tố tự nhiên hiện trạng như đồi núi, mặt nước, các khu vực bảo vệ di tích văn hóa lịch sử, làng xóm truyền thống. Trong khu vực nêm xanh, hành lang xanh, ngoài các khu vực dân cư, làng xóm hiện hữu cho phép phát triển các dự án có tính chất sinh thái, thấp tầng, mật độ thấp, công viên vui chơi giải trí, dịch vụ du lịch và các dự án nông nghiệp đô thị.

Xây dựng các hình thái kiến trúc đô thị đặc trưng, kết hợp giữa các công trình kiến trúc hiện đại và các giải pháp không gian, kiến trúc truyền thống, giữ gìn và phục hồi các kiến trúc truyền thống để tạo nên hình ảnh văn hóa kiến trúc riêng cho đô thị Bắc Ninh.

b) Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa, lịch sử:

Bảo tồn, phát huy di sản văn hóa vật thể, di tích lịch sử - văn hóa đã xếp hạng gồm các di tích cấp quốc gia đặc biệt, di tích cấp quốc gia, di tích cấp tỉnh... gắn với định hướng phân vùng các khu vực cần bảo vệ công trình di tích theo quy định của Luật Di sản văn hóa; bảo tồn, phát huy di sản văn hóa phi vật thể UNESCO Dân ca quan họ Bắc Ninh và các làng nghề, lễ hội truyền thống.

c) Định hướng phát triển không gian xanh và cảnh quan:

Phát triển mạng lưới không gian xanh đô thị gắn với các tuyến sông Đuống, sông Cầu, sông Ngũ Huyện Khê, ngòi Con Tèn và các tuyến sông, hệ thống kênh và các hồ nước tại khu vực trên địa bàn tỉnh.

Bảo tồn, quản lý chặt chẽ các khu vực đồi núi, hạn chế san gạt, khai thác có hiệu quả làm điểm nhấn đô thị; quản lý chặt chẽ việc phát triển đô thị xung quanh các khu vực đồi núi, đảm bảo tầm nhìn, tạo cảnh quan của khu vực.

Khuyến khích phát triển các loại hình dự án kết hợp với tạo không gian cảnh quan như các cánh đồng lúa lớn, các trang trại trồng cây lâu năm tập trung, bảo vệ các hình ảnh không gian sản xuất gắn với làng xóm hiện hữu.

d) Định hướng phát triển theo các đô thị:

- Đô thị Bắc Ninh: Trung tâm tổng hợp về hành chính - chính trị, văn hóa, giáo dục, y tế và thể dục thể thao cấp tỉnh, trung tâm dịch vụ cấp vùng; diện tích tự nhiên 82,64 km²; dân số đến năm 2030 khoảng 447.000 người; dân số đến năm 2045 khoảng 660.000 người.

- Đô thị Tiên Du: Trung tâm dịch vụ công cộng, thương mại, vui chơi giải trí, du lịch văn hóa tâm linh, trải nghiệm, giáo dục đào tạo và chuyển giao công nghệ cấp vùng; diện tích tự nhiên 95,6 km²; dân số đến năm 2030 khoảng 315.000 người; dân số đến năm 2045 khoảng 525.000 người.

- Đô thị Từ Sơn: Trung tâm văn hóa, du lịch và giáo dục - đào tạo, nghiên cứu và đô thị công nghiệp; diện tích tự nhiên 61,09 km²; dân số đến năm 2030 khoảng 292.000 người; dân số đến năm 2045 khoảng 475.000 người.

- Đô thị Yên Phong: Trung tâm phát triển công nghiệp, dịch vụ công nghệ cao và công nghiệp hỗ trợ cấp vùng; diện tích tự nhiên 96,93 km²; dân số đến năm 2030 khoảng 355.000 người; dân số đến năm 2045 khoảng 530.000 người.

- Đô thị Quế Võ: Trung tâm phát triển đô thị dịch vụ công nghiệp, du lịch nghỉ dưỡng, thể dục thể thao, y tế cấp vùng; diện tích tự nhiên 155,1 km²; dân số đến năm 2030 khoảng 355.000 người; dân số đến năm 2045 khoảng 610.000 người.

Ranh giới, diện tích tự nhiên các đô thị giữ nguyên theo hiện trạng ranh giới, diện tích tự nhiên các đơn vị hành chính cấp huyện; các chỉ tiêu quy hoạch được tính toán, xác định cụ thể cho từng đô thị, đảm bảo đáp ứng tiêu chí nâng loại, thành lập các đô thị theo các thời kỳ quy hoạch.

7. Thiết kế đô thị

a) Định hướng tầng cao:

- Định hướng phát triển đô thị mới theo hướng trung tầng và cao tầng; các khu vực đô thị, làng xóm hiện trạng được cải tạo, chỉnh trang, bổ sung hạ tầng kỹ thuật phù hợp với tình hình thực tế và tiến tới tiệm cận các khu vực đô thị quy hoạch mới.

- Khu vực trung tâm các quận tương lai và tại các điểm nút giao thông, gần với các nhà ga đường sắt đô thị cho phép phát triển cao tầng, tạo điểm nhấn kiến trúc cho đô thị, các công trình cao tầng này không cản trở các tầm nhìn từ các điểm cao và hướng nhìn quan trọng.

- Khu vực làng xóm hiện hữu và nhà ở sinh thái mới phát triển thấp tầng và tầng cao tương đồng với hiện trạng của từng khu vực.

- Phát triển hài hòa, hạn chế phát triển cao tầng gần các khu vực xung quanh các di tích lịch sử văn hóa, đồi núi cần bảo tồn; tránh ảnh hưởng đến không gian văn hóa. Tầng cao công trình được quy định cụ thể trong quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và thiết kế đô thị cụ thể ở giai đoạn tiếp theo.

b) Định hướng mật độ xây dựng:

- Mật độ nén, tập trung cao tại các khu vực trọng tâm phát triển đô thị theo mô hình TOD (gắn kết với giao thông công cộng, đáp ứng các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và nhà ở, tăng không gian xanh, tiết kiệm đất đai, tăng hiệu quả sử dụng đất, tạo động lực tăng cường phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường); mật độ thấp tại các khu vực không gian cây xanh mặt nước.

- Các khu vực điểm nút giao thông, có nhu cầu hoạt động thương mại cao, khuyến khích hợp khối, liên kết, xây dựng mật độ cao để tăng khả năng cung cấp dịch vụ công cộng, tạo thuận lợi cho người sử dụng.

- Khu vực đô thị hiện hữu: Kiểm soát mật độ xây dựng phù hợp với tình hình thực tế, hạn chế sự gia tăng mật độ làm phá vỡ cấu trúc chung của đô thị sinh thái; tổ chức cải tạo, chỉnh trang, bổ sung hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, tiến tới tiệm cận các khu vực đô thị quy hoạch mới.

- Các khu vực phát triển mới như khu đào tạo, khu du lịch, khu nhà ở sinh thái được kiểm soát theo hướng mật độ thấp, tăng cường diện tích cây xanh.

- Các khu vực xung quanh các công trình tôn giáo, tín ngưỡng có kiểm soát chặt chẽ đối với các công trình xây mới về mật độ, tầng cao, hình thức kiến trúc và khối tích công trình.

c) Cửa ngõ đô thị: Tại các nút giao thông đối ngoại quan trọng của các tuyến cao tốc (Hà Nội - Lạng Sơn; Nội Bài - Hạ Long; Hà Nội - Thái Nguyên, vành đai 4 - quốc lộ 18), tuyến quốc lộ (17, 18, 38); các tuyến đường liên tỉnh, liên vùng và các tuyến đường chính đô thị... được thiết kế cảnh quan, kiến trúc hiện đại hấp dẫn, thu hút du khách và người dân đến với Bắc Ninh; tăng cường giải pháp thiết kế đô thị, biểu tượng tạo điểm nhấn ấn tượng chung cho đô thị Bắc Ninh.

d) Trục không gian, cảnh quan chính: Cải tạo, nâng cấp cảnh quan các tuyến đường đối ngoại (cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn; Nội Bài - Bắc Ninh - Hạ Long; Hà Nội - Thái Nguyên; vành đai 4, quốc lộ 17, quốc lộ 18, quốc lộ 38), đường vành đai đô thị kết nối, các tuyến đường chính phục vụ du lịch và đô thị, tạo cảnh quan hấp dẫn, với các tiện ích công cộng thông minh, hiện đại, sinh thái, dễ tiếp cận, có hình ảnh đặc trưng riêng theo từng đoạn tuyến; bảo vệ cảnh quan tự nhiên và các giá trị văn hóa lịch sử của đô thị; hình thành một số điểm dịch vụ du lịch có tính chất đặc biệt, tạo lập hình ảnh đô thị.

đ) Bố trí quảng trường tại khu vực trung tâm các đô thị, trung tâm các quận dự kiến và trọng tâm của các khu đô thị lớn, mỗi quảng trường được thiết kế theo các chủ đề khác nhau để tạo sự đa dạng, hấp dẫn và gắn với các công trình, dịch vụ công cộng lân cận.

e) Kiểm soát chặt chẽ công trình xây dựng cao tầng để phù hợp với đặc điểm hiện trạng từng khu vực, đáp ứng yêu cầu phát triển và khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật của từng khu vực; hạn chế xây dựng công trình kiến trúc lớn, cao tầng trên các khu vực đồi núi; tại các khu vực phát triển mới khuyến khích phát triển cao tầng trên cơ sở đảm bảo yêu cầu kiểm soát dân số, điều kiện hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và phù hợp với các quy chuẩn hiện hành; tại các khu vực giao cắt giữa các trục đường chính đô thị, các tuyến trục chính đô thị, khuyến khích xây dựng các công trình cao tầng làm điểm nhấn và định hình không gian đô thị.

8. Quy hoạch sử dụng đất đai

a) Quy hoạch sử dụng đất đến 2030:

- Đất xây dựng đô thị khoảng 26.170 ha, trong đó:

+ Đất dân dụng: 15.510 ha, bao gồm: đất đơn vị ở 11.839 ha; đất công cộng đô thị khoảng 639 ha; đất cây xanh, thể dục thể thao đô thị khoảng 1.109 ha; đất giao thông đô thị khoảng 1.923 ha.

+ Đất ngoài dân dụng: khoảng 10.660 ha, bao gồm các công trình chức năng phục vụ đô thị và ngoài đô thị; đất công trình sử dụng hỗn hợp, cơ quan,

thương mại, dịch vụ khoảng 1.352 ha; đất trường đào tạo, nghiên cứu khoảng 753 ha; đất công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, kho tàng 4.400 ha; đất khu du lịch, nghỉ dưỡng khoảng 170 ha; đất cây xanh chuyên đề, cây xanh cảnh quan, cây xanh cách ly khoảng 1.219 ha; đất tôn giáo tín ngưỡng khoảng 216 ha; đất quốc phòng - an ninh khoảng 195 ha; đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật khoảng 955 ha; đất giao thông đối ngoại khoảng 990 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ khoảng 410 ha.

- Đất khác thuộc đô thị: khoảng 22.968 ha, bao gồm đất làng xóm khoảng 2.351 ha; đất nông nghiệp khoảng 17.400 ha; đất đồi núi, lâm nghiệp khoảng 559 ha; mặt nước khoảng 2.658 ha.

b) Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2045:

- Đất xây dựng đô thị khoảng 40.381 ha, trong đó:

+ Đất dân dụng: khoảng 23.412 ha, bao gồm: đất đơn vị ở khoảng 15.966 ha; đất công cộng đô thị khoảng 1.153 ha; đất cây xanh, thể dục thể thao đô thị khoảng 2.202 ha; đất giao thông đô thị khoảng 4.091 ha.

+ Đất ngoài dân dụng: khoảng 16.969 ha, bao gồm các công trình chức năng phục vụ đô thị và ngoài đô thị; đất công trình sử dụng hỗn hợp, cơ quan, thương mại, dịch vụ khoảng 3.354 ha; đất trường đào tạo, nghiên cứu khoảng 753 ha; đất công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, kho tàng khoảng 5.533 ha; đất khu du lịch, nghỉ dưỡng khoảng 1.715 ha; đất cây xanh chuyên đề, cây xanh cảnh quan, cây xanh cách ly khoảng 2.631 ha; đất tôn giáo tín ngưỡng khoảng 216 ha; đất quốc phòng - an ninh khoảng 195 ha; đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật khoảng 955 ha; đất giao thông đối ngoại khoảng 1.207 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ khoảng 410 ha.

- Đất khác thuộc đô thị: khoảng 8.757 ha, bao gồm đất dự trữ phát triển khoảng 806 ha; đất làng xóm khoảng 2.045 ha; đất nông nghiệp khoảng 2.689 ha; đất đồi núi, lâm nghiệp khoảng 559 ha; mặt nước khoảng 2.658 ha.

9. Định hướng quy hoạch hạ tầng kinh tế xã hội

a) Công nghiệp:

- Khu công nghiệp tập trung: Bố trí 12 khu công nghiệp tập trung với tổng diện tích khoảng 4.800 ha, trong đó cập nhật khu công nghiệp Nam Sơn - Hạp Lĩnh và khu công nghiệp An Việt - Quế Võ 6 theo điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Ninh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2018; bổ sung khu công nghiệp tại các xã Phụng Mao, Yên Giả và Mộ Đạo với diện tích khoảng 150 ha. Chuyển đổi

khu công nghiệp Hanaka hiện hữu sang chức năng đô thị.

- Cụm công nghiệp: Đến năm 2045, bố trí 32 cụm công nghiệp với tổng quy mô khoảng 856 ha; chuyển đổi 13 cụm công nghiệp sang đô thị, thương mại, dịch vụ với tổng diện tích khoảng 310 ha. Bổ sung đất cụm công nghiệp mới với tổng diện tích khoảng 188 ha.

b) Xây dựng Khu công nghệ thông tin tập trung Bắc Ninh, diện tích khoảng 250 ha.

c) Thương mại:

Tập trung xây dựng phát triển đa dạng các loại hình thương mại, đặc biệt là các hạ tầng thương mại mang tính chất quy mô lớn:

- Phát triển trung tâm logistics cấp vùng tại khu vực Phong Khê (thành phố Bắc Ninh) và khu vực các xã Chi Lăng, Đào Viên, Ngọc Xá, Châu Phong (Quế Võ) phía Nam cao tốc Nội Bài - Bắc Ninh - Hạ Long; 02 Trung tâm logistics tại khu vực Dũng Liệt - Tam Đa (Yên Phong) để cung cấp đồng bộ các dịch vụ hậu cần phân phối hàng hoá cho tỉnh Bắc Ninh và các tỉnh phụ cận.

- Phát triển các trung tâm hội chợ, triển lãm, trung tâm mua sắm quốc tế theo hướng hiện đại tại các đô thị nhằm trưng bày, giới thiệu hàng hóa và dịch vụ, quảng bá, tuyên truyền thương hiệu phát triển kinh tế - thương mại của tỉnh.

- Phát triển các trung tâm mua sắm quy mô lớn tại các đô thị vệ tinh nhằm thúc đẩy hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch, đầu tư...

- Phát triển mới các trung tâm thương mại quy mô từ 3 - 10 ha gắn với chức năng về văn hóa, quảng trường và các dịch vụ công cộng khác tạo nên trung tâm các quận trong tương lai hoặc gắn với các dự án khu đô thị mới, các điểm nút về giao thông, nhà ga đường sắt đô thị, tạo nên các mô hình phát triển đô thị theo mô hình TOD. Dự kiến quy hoạch trung tâm thương mại tại Hòa Long, Vũ Ninh, Khúc Xuyên, Đại Phúc (Bắc Ninh), Tương Giang, Đông Ngàn (Tứ Sơn), Thụy Hòa, thị trấn Chờ (Yên Phong), Đại Xuân, Phố Mới, Chi Lăng (Quế Võ), Phú Lâm, Liên Bảo, Phật Tích, Lạc Vệ (Tiên Du)...

- Phát triển chợ trung tâm: Chợ tại phường Khắc Niệm (Bắc Ninh) và chợ nông sản Đức Long (Quế Võ) để phân luồng hàng hoá cho đô thị và một số vùng phụ cận.

- Phát triển các trung tâm thương mại, dịch vụ, mua sắm, cung cấp hàng

hoá và phục vụ nhu cầu thiết yếu cho chuyên gia, người lao động tại các khu công nghiệp, có thể bố trí trong khu công nghiệp hoặc khu vực lân cận.

d) Du lịch:

Phát triển hệ thống dịch vụ du lịch đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch của vùng Thủ đô Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh, trong đó khai thác tài nguyên văn hóa và các công trình di tích lịch sử văn hóa, làng nghề truyền thống, di sản văn hóa phi vật thể - Dân ca Quan họ làm lực hút đặc trưng, phát triển các loại hình du lịch mới gắn với sinh thái, nghỉ dưỡng và các dịch vụ du lịch chất lượng cao.

Các trung tâm dịch vụ du lịch tập trung tại thành phố Bắc Ninh, khu vực Tiên Du; phát triển các hành lang du lịch sinh thái gắn với các tuyến sông Đuống, sông Cầu, sông Ngũ Huyện Khê, sông Tào Khê, ngòi Con Tên; dọc các tuyến sông bố trí các khu du lịch, vui chơi giải trí, thể thao.

Xây dựng các khu đô thị, khu chức năng gắn với các khu vực xung quanh chùa Phật Tích (núi Phật Tích); chùa Dạm (núi Dạm, ngòi Con Tên); dọc sông Ngũ Huyện Khê thuộc huyện Yên Phong, thành phố Từ Sơn; ven sông Cầu (xã Việt Thống, thị xã Quế Võ), ven sông Đuống (xã Chi Lăng, thị xã Quế Võ)... với mục đích du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng gắn với du lịch văn hóa tâm linh, hành hương trở về cội nguồn: Khu đô thị du lịch Phật Tích tại huyện Tiên Du; Khu du lịch văn hóa tâm linh và sinh thái núi Dạm tại thành phố Bắc Ninh; Khu đô thị sinh thái, văn hóa, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí trên địa bàn huyện Tiên Du, thành phố Từ Sơn; Khu đô thị, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng dọc sông Ngũ Huyện Khê; Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng ven sông Cầu (xã Việt Thống, thị xã Quế Võ), Khu đô thị, dịch vụ tại phường Khắc Niệm, phường Vân Dương và phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh; khu chức năng tổng hợp du lịch, thể dục thể thao, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, y tế, chăm sóc sức khỏe và sân golf tại Yên Phong, Tiên Du, Quế Võ.

Ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ chất lượng cao, có sức thu hút dân cư lớn như: giáo dục đào tạo; nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; y tế và nghỉ dưỡng; du lịch văn hoá và thương mại.

Hành lang quốc lộ 1, quốc lộ 18 và hành lang sông Đuống phát triển các loại hình du lịch sinh thái, du lịch văn hóa tâm linh và du lịch làng nghề.

Xây dựng mạng lưới kết nối các đầu mối văn hóa - du lịch, đô thị.

đ) Nông, lâm nghiệp:

Quy hoạch các khu vực phát triển nông nghiệp công nghệ cao tại khu vực Yên Phong, Quế Võ, Tiên Du gắn với hành lang xanh dọc các tuyến sông Cầu, sông Đuống.

Chuyển đổi hoạt động sản xuất nông nghiệp nông thôn sang nông nghiệp đô thị, chuyển đổi đất nông nghiệp sang phát triển các dự án sản xuất, hạ tầng, xây dựng các khu chức năng đô thị.

Chuyển đổi hoạt động sản xuất nông nghiệp nằm trong phạm vi các hành lang xanh, “nêm xanh”, vành đai xanh thành các công viên đô thị, vườn hoa, khu vực sản xuất nông nghiệp công nghệ cao kết hợp dịch vụ đô thị. Giữ gìn các khu vực có điều kiện thổ nhưỡng, vị trí phù hợp tiếp tục sản xuất nông nghiệp để cung cấp các sản phẩm cho nhu cầu của đô thị.

Các khu vực núi, gò đồi, khu vực phòng hộ ven sông, ven hồ, khu vực cách ly dọc các tuyến đường cao tốc, hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng, xung quanh các khu công nghiệp tập trung được phát triển các loại hình cây xanh kết hợp tạo cảnh quan môi trường cho đô thị và hệ thống các công trình công cộng, hạ tầng an sinh xã hội... đảm bảo tiêu chí đô thị loại I đối với 05 quận sẽ hình thành trong tương lai.

e) Trụ sở làm việc cơ quan hành chính nhà nước:

Quy hoạch, xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng đảm bảo đủ điều kiện thành quận nội thành và thành phố trực thuộc trung ương trong tương lai, quy hoạch tại các vị trí trọng tâm, thuận lợi về không gian, hạ tầng để phát triển các trung tâm tổng hợp của đô thị, kết hợp các chức năng hành chính, thương mại, dịch vụ và quảng trường đô thị tạo nên các trung tâm của đô thị. Trước mắt khai thác sử dụng các khu trung tâm hành chính cấp huyện đã được quy hoạch, đầu tư xây dựng. Các khu trụ sở làm việc cơ quan hành chính mới dự kiến xây dựng tập trung, theo mô hình liên cơ, kiến trúc hiện đại, ứng dụng công nghệ thông minh để tạo thuận lợi cho cán bộ làm việc và phục vụ người dân và cộng đồng được tốt hơn.

g) Giáo dục, đào tạo, khoa học công nghệ:

Tiếp tục phát triển các trung tâm giáo dục đào tạo cấp vùng tại Bắc Ninh, Từ Sơn, Tiên Du để thu hút di dời các trường đại học trong nội thành Hà Nội ra bên ngoài, xây dựng các trung tâm giáo dục đào tạo chất lượng cao, tiêu chuẩn quốc tế để đào tạo nguồn nhân lực cho vùng và tỉnh Bắc Ninh. Quy hoạch các trường đại học tập trung tại Nam Sơn, Tiên Du, cụm trường phân tán tại Từ Sơn, các cụm đào tạo nghề tại Yên Phong và Quế Võ. Khu vực Nam Sơn sẽ gắn với

các viện nghiên cứu, trung tâm chuyển giao công nghệ và khu đô thị sinh thái để tạo môi trường chất lượng cao, hấp dẫn cho các chuyên gia và nhà khoa học.

h) Y tế:

Phát triển mạng lưới cơ sở y tế để tạo nên trung tâm dịch vụ y tế cấp vùng Thủ đô Hà Nội và vùng đồng bằng sông Hồng, bố trí đầy đủ mạng lưới các bệnh viện, khu dịch vụ y tế nghiên cứu về tế bào gốc, thẩm mỹ gắn với các khu vực phát triển đô thị tập trung, khu vực công nghiệp; cải tạo nâng cấp, xây dựng mới bệnh viện đa khoa tại các đô thị để đáp ứng tiêu chí thành phố trực thuộc trung ương.

i) Văn hóa:

Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, các công trình di tích lịch sử văn hóa, công trình tôn giáo, làng nghề truyền thống, các không gian làng xóm truyền thống; phát triển hệ thống các công trình thiết chế văn hóa mới, với kiến trúc hiện đại, hấp dẫn, thu hút các hoạt động, sự kiện văn hóa quốc gia, quốc tế, từng bước phát triển Bắc Ninh trở thành điểm đến văn hóa của vùng.

k) Thể dục thể thao:

Xây dựng trung tâm thể dục thể thao cấp vùng tại khu đô thị Nam Sơn, xây dựng trung tâm thể dục thể thao cấp tỉnh tại thành phố Bắc Ninh và sân golf tại Yên Phong, Tiên Du, Quế Võ. Khai thác phát triển các loại hình thể thao, kết hợp dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng và sân golf tại khu vực hành lang xanh sông Đuống và sông Cầu.

l) Đảm bảo quốc phòng - an ninh:

Bảo vệ các khu vực đất, công trình quốc phòng, an ninh hiện trạng và các khu vực quy hoạch các công trình quốc phòng, an ninh. Quá trình triển khai các dự án phát triển đô thị, hạ tầng đô thị thực hiện các thỏa thuận theo quy chế phối hợp đảm bảo mục tiêu về quốc phòng - an ninh.

10. Định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

a) Định hướng hạ tầng kỹ thuật xanh, thông minh và thích ứng với biến đổi khí hậu:

Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị Bắc Ninh theo hướng hạ tầng xanh, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, tạo nền tảng cho phát triển

hiện đại và bền vững. Bố trí các trung tâm điều hành tập trung để quản lý vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị. Dự trữ hành lang phát triển hạ tầng ngầm, hạ tầng nổi; phát triển hệ thống hạ tầng khung toàn tỉnh và kết nối với vùng Thủ đô và các địa phương lân cận.

Lựa chọn giải pháp thiết kế hạ tầng đô thị phù hợp với đặc điểm điều kiện tự nhiên của từng khu vực, khuyến khích sử dụng vật liệu, năng lượng tái tạo, hạn chế cứng hóa bề mặt đô thị để tăng cường khả năng thấm nước tự nhiên. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được thiết kế theo hướng phân tán, cân bằng cho từng khu vực, tự xử lý môi trường theo từng khu vực, bố trí hệ thống hồ điều hòa và kênh thoát nước mặt theo các lưu vực để hỗ trợ thoát nước mặt và tạo cảnh quan đô thị.

b) Định hướng quy hoạch giao thông:

Tận dụng cơ sở hạ tầng giao thông hiện có, phát huy tối đa về lợi thế của khu vực đô thị để tập trung cải tạo, nâng cấp kết hợp xây dựng mới mạng lưới giao thông vận tải hiện đại, đồng bộ; phát triển đa dạng các loại hình giao thông, kết nối liên thông giữa các phương thức vận tải (đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không); phát triển các loại hình giao thông công cộng mới, đa dạng, hiện đại, đáp ứng nhu cầu vận tải đô thị và đảm bảo kết nối nhanh chóng, an toàn giữa các khu chức năng của đô thị và với mạng lưới giao thông đối ngoại.

- Đường bộ:

+ Hình thành các trục giao thông chủ đạo, gồm các tuyến đường giao thông quốc gia đi qua khu vực, các tuyến đường tỉnh và các trục đường liên kết các khu vực đô thị. Mạng lưới đường bộ tạo thành các trục liên kết cấp liên vùng, trục liên kết cấp vùng tỉnh, trục liên kết đô thị và trục liên kết các khu vực trong các đô thị, gồm các tuyến giao thông chính như sau:

Cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn (quốc lộ 1A); cao tốc Nội Bài - Bắc Ninh - Quảng Ninh (quốc lộ 18 mới), quốc lộ 18 (cũ); cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên (quốc lộ 3 mới); quốc lộ 17; quốc lộ 38; đường vành đai 4 - vùng Thủ đô Hà Nội; hệ thống đường cao tốc theo quy hoạch được phê duyệt.

Các tuyến đường tỉnh gồm: đường tỉnh 276, đường tỉnh 277B, đường tỉnh 278, đường tỉnh 287, đường tỉnh 295, đường tỉnh 295B, đường tỉnh 295C; đường tỉnh 277, đường tỉnh 279, đường tỉnh 285B, đường tỉnh 286...

Các tuyến đường trục chính đô thị, đường chính đô thị, đường liên khu vực khác như trục đường H, trục đường Lý Thái Tổ - Lê Thái Tổ (thành phố Bắc Ninh); đường trục đô thị Tiên Du; đường trục Lý Thái Tổ, đường

Nguyễn Phi Ý Lan, đường dọc kênh Trịnh Xá - Đa Hội (thành phố Từ Sơn); hệ thống các tuyến đường trục trung tâm đô thị Quế Võ, Yên Phong...

+ Mở rộng các “cửa ngõ” chính kết nối khu vực đô thị với các tỉnh, thành khác gồm: Bắc Ninh - Hà Nội thông qua các tuyến đường quốc lộ 1A, đường tỉnh 277, đường tỉnh 286, đường tỉnh 295C, đường tỉnh 285B và đường đô thị TS1 (tại thành phố Từ Sơn); Bắc Ninh - Nội Bài, Vĩnh Phúc, Phú Thọ... thông qua tuyến đường quốc lộ 18; Bắc Ninh - Thái Nguyên thông qua tuyến đường quốc lộ 18, quốc lộ 3; Bắc Ninh - Bắc Giang thông qua các tuyến đường quốc lộ 1A, quốc lộ 17, đường tỉnh 278, đường tỉnh 295, đường tỉnh 295B, đường tỉnh 295C; Bắc Ninh - Hải Dương - Hạ Long thông qua tuyến đường quốc lộ 18.

- Đường sắt:

+ Thực hiện định hướng các tuyến đường sắt quốc gia, đường sắt hành khách nội vùng, đường sắt đô thị tại Đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Ninh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Quy hoạch mới một số tuyến đường sắt đô thị tạo vành đai khép kín của đô thị trung tâm Bắc Ninh, kết nối với hệ thống đường sắt đô thị trong quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội và các tỉnh xung quanh, tạo thành mạng lưới đường sắt kết nối liên thông theo hướng hiện đại, tiên tiến, đảm bảo đáp ứng nhu cầu vận tải hành khách, lưu thông hàng hóa.

+ Xây dựng mới các ga gắn với các trung tâm thương mại dịch vụ lớn, các cảng cạn, logictis; phát triển hiệu quả không gian đô thị dọc đường sắt (mô hình TOD).

- Đường thủy: Nạo vét, khai thông dòng chảy, phục hồi các kênh chính trong khu vực. Xây dựng hệ thống cảng sông, bến thuyền phục vụ vận tải hàng hóa, hành khách và phát triển du lịch đường thủy trên sông Cầu và sông Đuống...

- Đường hàng không: Khai thác sân bay quốc tế Nội Bài, sân bay Gia Bình trước mắt là sân bay chuyên dụng, sau năm 2030 thành sân bay lưỡng dụng và hệ thống các sân bay trong vùng đồng bằng sông Hồng, kết nối các khu đô thị, khu công nghiệp, cảng cạn ICD, logistics... kết nối mạng lưới đường bộ, đường sắt và đường thủy khu vực đô thị với cảng hàng không quốc tế thông qua tuyến đường cao tốc Bắc Ninh - Nội Bài.

- Các tuyến xe buýt công cộng: Trên cơ sở các định hướng quy hoạch các tuyến đường bộ, tiếp tục nâng cấp và xây dựng mới các tuyến xe buýt nội thị, liên huyện, liên tỉnh phù hợp theo nhu cầu vận tải hành khách trong từng giai đoạn cụ thể.

- Bến xe khách, bãi đỗ xe, cảng cạn ICD: Quy hoạch các bến xe khách, cảng ICD, trung tâm logistics cấp đô thị đáp ứng nhu cầu về chuỗi lưu thông hàng hóa của khu vực đô thị và xung quanh.

c) Định hướng quy hoạch cao độ nền xây dựng:

Kiểm soát cao độ nền xây dựng đô thị, công nghiệp gắn với phát triển mạng lưới sông kênh tiêu thoát nước mặt, hồ điều hòa để đảm bảo hạn chế úng ngập lụt. Cao độ nền khu vực xây dựng mới: Khu vực Yên Phong khoảng 5,5 m; khu vực thành phố Bắc Ninh khoảng 4,5 m; khu vực Quế Võ khoảng 4,5 m; khu vực Từ Sơn khoảng 6,0 m; khu vực Tiên Du khoảng 5,0 m; cao độ thiết kế san nền được cụ thể hoá trong quá trình lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết cho phù hợp với từng địa hình thực tế.

Khu vực đô thị, công nghiệp hiện trạng giữ nguyên cao độ nền hiện có, hạn chế tối đa san gạt, nâng hạ nền. Bổ sung các giải pháp như: bơm tiêu cục bộ, chứa nước tạm trong hồ điều hòa, công viên thể dục thể thao... cho các khu vực cao độ chưa đảm bảo nhằm giảm thiểu úng ngập.

Phòng chống lũ: Nâng cấp, cải tạo, chống sạt lở hệ thống kè, đê sông Cầu; sông Đuống; sông Ngũ Huyện Khê; sông Cà Lồ, đồng thời quản lý xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ đê, công trình thủy lợi theo đúng quy định.

d) Định hướng quy hoạch thoát nước mặt:

Xây dựng hệ thống thoát nước mưa hoàn chỉnh, đảm bảo thoát nước mưa trên toàn lưu vực. Hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn tại các khu vực xây dựng mới và hệ thống thoát nước nửa riêng tại các khu vực hiện trạng.

Thoát nước mưa: Khu vực được chia thành 15 lưu vực tiêu. Nước mặt được thoát vào hệ thống cống thoát nước đô thị, hệ thống kênh thủy lợi (ngòi Con Tên, kênh Đặng Xá, kênh Tào Khê, kênh Kim Đôi, kênh Hiền Lương, kênh Trịnh Xá, kênh Nam, kênh Bắc...), sau đó bơm cưỡng bức ra hệ thống sông Ngũ Huyện Khê, sông Cầu, sông Đuống.

Cải tạo thường xuyên; kiên cố hóa; nạo vét định kỳ các tuyến mương, cống thoát nước. Áp dụng các giải pháp thoát nước mưa theo hướng phát triển bền vững: xây dựng hồ điều hòa trữ nước; sử dụng các kết cấu hè, đảo giao thông xen lẫn cây xanh, tăng hệ số thấm... thích ứng với các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu.

đ) Định hướng quy hoạch cấp nước:

- Nhu cầu cấp nước: Đến năm 2030 khoảng 420.000 m³/ngày đêm, đến năm 2045 khoảng 660.000 m³/ngày đêm.

- Nguồn nước: Nước mặt sông Đuống, sông Cầu và nước ngầm quy mô nhỏ. Bổ sung thêm nguồn nước từ Nhà máy nước sông Đuống Hà Nội.

- Phân vùng cấp nước: Bao gồm 5 phân vùng: Phân vùng 1 và phân vùng 5 gồm Bắc Ninh, Quế Võ được cấp nước chính từ Nhà máy nước mặt Bắc Ninh; phân vùng 2 gồm Từ Sơn, Tiên Du được cấp nước chính từ Nhà máy nước mặt Tri Phương và bổ sung từ Nhà máy nước sông Đuống Hà Nội; phân vùng 3 và phân vùng 4 gồm Yên Phong được cấp nước chính từ Nhà máy nước mặt Tam Giang; phân vùng 3, 4 và 5 tạo liên kết với phân vùng 1 và hướng tới thành một phân vùng cấp nước lớn được cấp nước bổ sung từ Nhà máy nước mặt Bắc Ninh.

- Công trình đầu mối chính: Nhà máy nước mặt Bắc Ninh công suất hiện có 55.000 m³/ngày đêm, công suất đến năm 2030 khoảng 100.000 m³/ngày đêm, đến năm 2045 khoảng 200.000 m³/ngày đêm, khai thác nguồn nước mặt sông Đuống; Nhà máy nước Tri Phương công suất hiện có 17.500 m³/ngày đêm, công suất đến năm 2030 khoảng 60.000 m³/ngày đêm, đến năm 2045 khoảng 120.000 m³/ngày đêm khai thác nguồn nước mặt sông Đuống; Nhà máy nước mặt Tam Giang công suất hiện có khoảng 14.500 m³/ngày đêm, công suất đến năm 2030 khoảng 20.000 m³/ngày đêm, đến năm 2045 khoảng 40.000 m³/ngày đêm, khai thác nguồn nước mặt sông Cầu. Các khu công nghiệp xây dựng nhà máy cấp nước riêng hoặc sử dụng chung các công trình đầu mối đô thị.

- Mạng lưới cấp nước: Xây dựng mạng lưới cấp nước chính dạng mạch vòng có đường kính D200mm - D630mm, đủ năng lực truyền tải khi có cháy. Bổ sung liên kết giữa các nhà máy nước để đảm bảo an toàn cấp nước.

e) Định hướng quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị:

- Tổng nhu cầu phụ tải đến năm 2030 khoảng 2.500MW (tương đương 3.000MVA); đến năm 2045 khoảng 4.500MW (tương đương 5.300MVA).

- Nguồn điện: Xây dựng mới trạm biến áp 500kV Bắc Ninh từ nhánh rẽ 500kV đầu vào tuyến 500kV Hiệp Hoà - Phố Nối, công suất 2x900MVA, dài hạn nâng công suất lên thành 3x900MVA. Vị trí xây dựng trạm 500kV Bắc Ninh thuộc khu vực thị xã Quế Võ.

- Lưới điện:

+ Lưới điện cao thế: 500kV, 220kV, 110kV theo quy hoạch chuyên ngành, điều chỉnh một số hướng tuyến cao thế đi ra ngoài khu vực trung tâm các khu vực phát triển đô thị.

+ Lưới điện trung thế: Sử dụng điện áp là 22kV và 35kV; chuyển đổi lưới đường dây 6kV, 10kV... hiện có về 2 cấp điện áp 22kV và 35kV.

+ Lưới điện hạ thế: Sử dụng cấp điện áp 380/220V; ngầm hóa lưới điện xây mới trong phạm vi đô thị; từng bước cải tạo, hạ ngầm hệ thống lưới điện hiện trạng.

+ Khuyến khích hạ ngầm các tuyến điện khi điều kiện cho phép, đặc biệt tại các khu vực trung tâm phát triển đô thị, dịch vụ.

- Trạm biến áp: Xây dựng mới các trạm biến áp 500kV, 220kV, 110kV, đồng thời cải tạo, nâng cấp các trạm biến áp 220kV, 110kV hiện trạng đáp ứng nhu cầu.

- Chiếu sáng đô thị: Cải tạo, hoàn chỉnh hệ thống chiếu sáng đô thị theo tiêu chuẩn quy định, ứng dụng điều khiển tự động và bán tự động hệ thống đèn đường. Tại các điểm nhân kiến trúc đô thị thiết kế chiếu sáng cảnh quan.

g) Định hướng quy hoạch thông tin liên lạc:

- Nhu cầu thuê bao: Đến năm 2030, khoảng 550.000 Lines; đến năm 2045 khoảng 1.680.000 Lines.

- Nguồn tín hiệu:

Nguồn tín hiệu cấp cho khu vực nghiên cứu được lấy từ Host Bắc Ninh 1 và Host Bắc Ninh 2 tại khu vực trung tâm thành phố Bắc Ninh. Nguồn tín hiệu đủ cấp cho khu vực nghiên cứu và các khu vực lân cận.

- Định hướng quy hoạch:

+ Phát triển, nâng cao chất lượng mạng lưới bưu chính, kết hợp cung cấp các dịch vụ công ích với các dịch vụ thương mại đáp ứng nhu cầu phát triển xã hội.

+ Tăng cường triển khai đồng bộ các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội.

+ Nâng cấp công nghệ chuyển mạch. Phát triển mạnh hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin theo hướng hiện đại, tốc độ cao, băng thông rộng, đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, ứng dụng hiệu quả công nghệ điện toán đám mây cập nhật xu hướng của thế giới.

+ Nghiên cứu đầu tư phát triển khu công nghệ thông tin tập trung, công viên phần mềm gắn với các trung tâm lưu trữ, xử lý và cung cấp dữ liệu, dịch vụ công nghệ thông tin cho thị trường.

+ Xây dựng mạng truyền dẫn đồng bộ, có tính dự phòng đảm bảo an toàn khi nhu cầu tăng đột biến vào dịp lễ hội hoặc khi có thiên tai, sự cố xảy ra. Dự kiến xây dựng các trạm vệ tinh mới bổ sung cho các tổng đài hiện có, phục vụ dài hạn đến năm 2045. Tạo nền tảng về hạ tầng truyền dẫn số liệu cho việc triển khai đô thị thông minh tại thành phố Bắc Ninh.

h) Định hướng quy hoạch thu gom và xử lý nước thải:

- Ước tính tổng lượng thải phát sinh đến năm 2030 khoảng 300.000 m³/ngày đêm, trong đó nước thải công nghiệp khoảng 50.000 m³/ngày đêm; đến năm 2045 khoảng 530.000 m³/ngày đêm trong đó nước thải công nghiệp khoảng 100.000 m³/ngày đêm.

- Hệ thống thoát nước: Các khu vực đô thị mới, khu công nghiệp xây dựng hệ thống thoát nước riêng; đối với các khu vực dân cư hiện trạng đang sử dụng hệ thống thoát nước chung sẽ tiến tới chuyển đổi sang thoát nước riêng.

- Các công trình xử lý nước thải: Căn cứ theo địa hình, khung giao thông chính, tổ chức các lưu vực thoát nước. Khu vực thành phố Bắc Ninh xây dựng các trạm xử lý nước thải đô thị với tổng công suất dài hạn khoảng 100.000 m³/ngày đêm. Khu vực thành phố Từ Sơn, xây dựng các trạm xử lý nước thải đô thị, tổng công suất dài hạn khoảng 70.000 m³/ngày đêm. Khu vực huyện Tiên Du, xây dựng các trạm xử lý nước thải đô thị với tổng công suất dài hạn khoảng 110.000 m³/ngày đêm. Khu vực huyện Yên Phong, xây dựng các trạm xử lý nước thải đô thị với tổng công suất khoảng 85.000 m³/ngày đêm. Khu vực thị xã Quế Võ xây dựng các trạm xử lý nước thải đô thị với tổng công suất khoảng 75.000 m³/ngày đêm.

Khu vực công nghiệp, y tế, làng nghề theo đặc thù phải bố trí khu xử lý riêng.

Nước thải sau xử lý tùy vào nguồn tiếp nhận đạt tiêu chuẩn A hoặc B theo Quy chuẩn Việt Nam.

i) Định hướng quy hoạch thu gom và xử lý chất thải rắn:

- Ước tính tổng lượng chất thải rắn phát sinh đến năm 2030 khoảng 3.000 tấn/ngày đêm, trong đó lượng chất thải rắn công nghiệp khoảng 800 tấn/ngày đêm; đến năm 2045 khoảng 4.700 tấn/ngày đêm, trong đó nước thải công nghiệp khoảng 1.600 tấn/ngày đêm. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn 100%, chất thải rắn phải được phân loại tại nguồn, chất thải rắn công nghiệp và y tế nguy hại phải thu gom và vận chuyển, xử lý riêng.

- Đầu tư công nghệ xử lý hiện đại, quy mô lớn, tại các khu xử lý tập trung bao gồm đốt phát điện, tái chế, thân thiện với môi trường. Giảm thiểu tối đa lượng thải chôn lấp để tiết kiệm quỹ đất.

- Nâng công suất các nhà máy xử lý chất thải rắn tại khu vực xã Phù Lãng, thị xã Quế Võ; xây mới nhà máy xử lý chất thải rắn tại khu vực huyện Yên Phong. Kết hợp sử dụng các nhà máy xử lý chất thải rắn tại Thuận Thành, Lương Tài.

k) Định hướng quy hoạch, quản lý nghĩa trang:

Khoanh vùng, cải tạo chỉnh trang các nghĩa trang nhân dân hiện trạng theo mô hình nghĩa trang có bố trí khuôn viên cây xanh xung quanh đảm bảo cảnh quan, môi trường; theo lộ trình đóng cửa, từng bước di dời các nghĩa trang nằm trong phạm vi phát triển đô thị.

Mỗi đơn vị hành chính cấp huyện xây dựng từ 1 - 2 nghĩa trang tập trung theo mô hình công viên nghĩa trang. Ưu tiên sử dụng hình thức cát táng, hỏa táng. Nhu cầu hung táng sử dụng tập trung tại nghĩa trang khu vực Quế Võ và các nghĩa trang định hướng tại các khu vực Thuận Thành, Lương Tài, Gia Bình.

Bố trí tối thiểu 1 nhà tang lễ cho 1 đơn vị hành chính cấp huyện. Nhà tang lễ bố trí độc lập hoặc gắn với các khu vực nghĩa trang, trung tâm y tế, bệnh viện quy hoạch mới.

11. Định hướng bảo vệ môi trường

- Khu vực bảo tồn văn hóa và cải thiện môi trường đô thị hiện hữu: là khu vực đô thị hiện hữu thành phố Bắc Ninh, xây dựng hoàn thiện hạ tầng môi trường (thu gom xử lý chất thải, nước thải), phục hồi chất lượng nước trên kênh, ngòi và các hồ đô thị. Kiểm soát hoạt động giao thông, xây dựng và cải tạo đô thị đảm bảo chất lượng môi trường không khí tiếng ồn. Áp dụng giải pháp thu gom và xây dựng các hồ điều hòa nước mưa tại nguồn cho các công trình hiện

hữu (tòa nhà, không gian công cộng). Di dời các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ và làng nghề vào khu cụm công nghiệp tập trung. Bảo tồn các di sản văn hóa.

- Khu vực kiểm soát môi trường đô thị - công nghiệp: Khu vực Từ Sơn, Yên Phong; trung tâm Quế Võ và các khu công nghiệp. Đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng thu gom xử lý chất thải nhằm bảo vệ chất lượng môi trường. Lồng ghép đồng bộ giải pháp thoát nước xanh, không gian xanh bền vững góp phần tạo cảnh quan, ứng phó với ngập lụt và biến đổi khí hậu. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải đô thị và công nghiệp thông qua hệ thống quan trắc. Yêu cầu bắt buộc phải có hồ điều hòa sau các trạm xử lý nước thải trong các khu cụm công nghiệp tập trung... Khuyến khích lựa chọn các loại hình công nghiệp thân thiện, ít tác động tiêu cực tới môi trường.

- Khu vực kiểm soát môi trường phát triển đô thị dịch vụ: Khu vực Tiên Du, Hán Quảng, Tân Chi. Kiểm soát và thu gom xử lý chất thải triệt để. Lồng ghép đồng bộ giải pháp thoát nước xanh, không gian xanh bền vững góp phần tạo cảnh quan, ứng phó với ngập lụt và biến đổi khí hậu.

- Khu vực hành lang bảo vệ sông Cầu và sông Đuống: Phục hồi và bảo vệ cảnh quan ven sông; bảo vệ hành lang đê điều tạo không gian xanh, không gian mở ứng phó với lũ lụt và rủi ro sạt lở, tăng cường sức chịu tải và khả năng làm sạch môi trường cho đô thị. Phục hồi và bảo vệ nguồn cấp nước sạch. Phát triển nông nghiệp sạch công nghệ cao; tạo ra vùng đệm môi trường và sinh thái cho toàn bộ đô thị Bắc Ninh.

- Khu vực hành lang xanh phục hồi môi trường sông Ngũ Huyện Khê: Cải thiện chất lượng môi trường nông thôn, làng nghề; xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng xử lý môi trường; áp dụng giải pháp hạ tầng xanh kết hợp với hạ tầng truyền thống để cải thiện chất lượng môi trường. Khuyến khích phát triển dân cư theo cụm để tạo cảnh quan sinh thái và hỗ trợ tiêu thoát nước, giảm thiểu rủi ro ngập úng.

- Khu vực không gian xanh kiểm soát phát triển ứng phó biến đổi khí hậu: hành lang xanh - tăng sức chịu tải của môi trường, tạo cảnh quan, vùng đệm cho khu vực tập trung phát triển đô thị. Tăng cường và bảo vệ các không gian cây xanh mặt nước ứng phó với rủi ro ngập úng.

12. Định hướng quy hoạch không gian ngầm, hạ tầng kỹ thuật ngầm

Quy hoạch, xây dựng hệ thống không gian ngầm tại các công trình công cộng, dịch vụ, nhà cao tầng, kết nối với bãi đỗ xe và hầm đi bộ ngầm để tạo

thành một không gian ngầm hoàn chỉnh theo mô hình TOD, phục vụ nhu cầu của người dân đô thị và du khách tại các khu vực trung tâm đô thị.

Bố trí bãi đỗ xe ngầm ở những vị trí có khả năng kết nối với khu vực xây dựng công trình công cộng ngầm, khu chung cư; ưu tiên xây dựng lối đi bộ ngầm kết nối giữa các khu thương mại, dịch vụ và tại các nút giao thông chính.

Quy hoạch hạ ngầm hệ thống đường dây, đường ống kỹ thuật gắn với không gian ngầm, đảm bảo hiện đại, đồng bộ và thông minh; xây dựng lộ trình hạ ngầm tại các khu vực có hiện trạng đi nổi.

13. Các chương trình và dự án ưu tiên đầu tư

a) Chương trình và dự án ưu tiên đầu tư theo các giai đoạn:

- Giai đoạn 2023 - 2025: Hoàn thiện đồng bộ hệ thống công cụ quản lý về quy hoạch, phát triển đô thị gồm: Lập và phù kín hệ thống quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy chế quản lý kiến trúc, quy chế bảo tồn, quy chế cải tạo; chương trình phát triển đô thị; đề án nâng loại các đô thị; triển khai hệ thống hạ tầng kết nối vùng liên tỉnh và mạng lưới hạ tầng khung đô thị; thu hút phát triển các dự án động lực về công nghiệp công nghệ cao; đô thị, dịch vụ, thương mại cấp vùng và dịch vụ du lịch cấp vùng.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Xây dựng mở rộng các đô thị gắn với các dự án phát triển, các dự án đô thị công nghiệp, đô thị dịch vụ; xây dựng hệ thống không gian xanh gắn với các dự án công viên sinh thái, cải tạo mở rộng mạng lưới mặt nước; bảo vệ các làng xóm truyền thống, công trình di tích văn hóa, lịch sử. Phát triển hoàn chỉnh các dự án khu đô thị đồng bộ về cơ sở hạ tầng theo mô hình đô thị thông minh; triển khai đề án nâng cấp thành phố trực thuộc trung ương.

- Giai đoạn 2031 - 2045: Xây dựng hoàn thiện các đô thị theo định hướng quy hoạch và thu hút các dự án chiến lược, đổi mới cho phát triển đô thị.

b) Nghiên cứu đề xuất các cơ chế chính sách đặc thù, hấp dẫn, tạo điều kiện huy động đa dạng nguồn lực trong nước và quốc tế tham gia xây dựng phát triển đô thị và dịch vụ du lịch.

14. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung

Ban hành Quy định quản lý theo Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2045 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh:

- Tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch được duyệt; lưu trữ, lưu giữ hồ sơ của đồ án quy hoạch theo quy định pháp luật.

- Căn định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật ngầm trong quy hoạch. Tổ chức thực hiện điều tra địa chất công trình và thủy văn đô thị trong phạm vi Đồ án này và khu vực cần thiết có liên quan. Xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch đồng bộ với việc đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong đô thị.

- Tổ chức rà soát, lập các chương trình, khu vực và kế hoạch phát triển đô thị; rà soát, lập mới hoặc điều chỉnh các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị, các quy hoạch nông thôn phù hợp để cụ thể hóa các định hướng theo quy hoạch chung được duyệt; lập dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khung trong đô thị theo quy định pháp luật, bảo đảm việc tuân thủ chỉ tiêu về quy mô dân số, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch theo Quy hoạch chung được duyệt, tuân thủ quy chuẩn về quy hoạch xây dựng, quy chuẩn khác có liên quan, tuân thủ pháp luật về quy hoạch đô thị, xây dựng, đất đai, đầu tư và các pháp luật khác có liên quan, làm cơ sở để xác định các dự án đầu tư xây dựng trong đô thị và lập quy hoạch chi tiết. Khu vực bãi ngoài đê sông, khi tổ chức lập, phê duyệt, triển khai thực hiện các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư xây dựng phải tuân thủ quy định của pháp luật về đê điều, Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phòng chống lũ và quy hoạch đê điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình và Quyết định số 429/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2016; Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Tổ chức lập Quy chế quản lý kiến trúc theo Luật Kiến trúc trong phạm vi đô thị Bắc Ninh.

- Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của các thông tin, số liệu, bản vẽ, hồ sơ sử dụng để lập đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh, không hợp thức các sai phạm; tiếp thu ý kiến của các Bộ, cơ quan liên quan, của Hội đồng thẩm định Điều chỉnh Quy hoạch chung bảo đảm đúng quy định pháp luật; xem xét các quy hoạch và dự án đảm bảo phù hợp với các định hướng của tỉnh và của quốc gia; đảm bảo thận trọng, chặt chẽ, đúng chỉ

tiêu phân bổ Quy hoạch sử dụng đất cho tỉnh theo quy định, phù hợp quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất của tỉnh và của quốc gia theo đúng quy định, phù hợp chương trình phát triển đô thị, nhà ở của tỉnh, đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật; đánh giá, rà soát các quy hoạch, dự án đã được phê duyệt hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư đảm bảo phù hợp với Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh được duyệt (thực hiện theo đúng quy định pháp luật trong trường hợp không đảm bảo phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh). Tiếp thu ý kiến, phối hợp các bộ, ngành liên quan triển khai thực hiện quy hoạch theo đúng quy định pháp luật, nhằm đảm bảo các vấn đề về quốc phòng, an ninh, an toàn phòng, chống lũ, tác động của biến đổi khí hậu; sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, chuyển đất trồng lúa sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp, phát triển bền vững kinh tế - xã hội và môi trường đô thị, không để xảy ra các chồng chéo, tranh chấp, khiếu kiện trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Khi thực hiện Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2045 phải đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan; không gây thất thoát lãng phí, tính toán đảm bảo về hạ tầng kỹ thuật đô thị, bảo vệ cảnh quan môi trường và đảm bảo sự đồng thuận của cộng đồng dân cư, phát triển hài hòa, giữ gìn cảnh quan môi trường, đáp ứng về an ninh - quốc phòng.

2. Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định hồ sơ Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2045 đảm bảo đúng quy định pháp luật. Giao Bộ Xây dựng lưu trữ, lưu giữ hồ sơ Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2045 được duyệt theo quy định; hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2045 đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật.

3. Giao các bộ, ngành Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh trong việc triển khai thực hiện Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2045, xây dựng, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng khung của đô thị Bắc Ninh, hạ tầng liên vùng theo các quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất, đảm bảo đúng quy định pháp luật.

4. Giao các địa phương có liên quan trên cơ sở Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2045 được duyệt, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh triển khai thực hiện các quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị của địa phương đảm bảo tính liên kết, đồng bộ và thống nhất, tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo, Công an, Quốc phòng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bắc Ninh;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, KGVX, NN, NC, PL, KTTH, V.I, QHĐP;
- Lưu: VT, CN (2b). Tuần

4

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Hồng Hà